

Số: 88/2026/QĐST-HNGĐ

Phú Thọ, ngày 19 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN**  
**CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 13/2026/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2026 về việc “Tranh chấp hôn nhân và gia đình”:

Nguyên đơn: Chị Khổng Thị Tuyết M, sinh năm 1977

Bị đơn: Anh Phùng Tuấn A, sinh năm 1975.

Cùng địa chỉ: Khu H (xã T cũ), phường V, tỉnh Phú Thọ.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026.

**XÉT THẤY**

Việc thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự được ghi trong Biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 11 tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của Luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:**

Chị Khổng Thị Tuyết M và anh Phùng Tuấn A.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

2.1. Về con chung: Chị M và anh A xác nhận vợ chồng có hai con chung là Phùng Duy A1, sinh ngày 14/01/2010 và Phùng Đoàn T, sinh ngày 27/5/2013. Khi ly hôn chị M và anh A thống nhất thỏa thuận để chị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu T và để anh A nuôi cháu A1. Không ai phải đóng góp nuôi con chung cho ai do chị M và anh A không yêu cầu.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

2.2. Về tài sản chung: Chị M và anh A thống nhất không đề nghị Tòa án giải quyết

2.3 Về công nợ, về công sức đóng góp: Chị M và anh A đều không đề

ngợi Tòa án giải quyết.

2.4. Về chi phí tố tụng: Chị M tự nguyện chịu toàn bộ chi phí tố tụng, không đề nghị Tòa án giải quyết.

2.5. Về án phí: Chị M tự nguyện chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Xác nhận chị M đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000075 ngày 07/01/2026 của Thi hành án dân sự tỉnh Phú Thọ. Hoàn trả cho chị M 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

*Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- Đương sự;
- VKSND khu vực 1- Phú Thọ;
- UBND xã Vạn Xuân, Phú Thọ
- Lưu hồ sơ vụ án;

**THẨM PHÁN**

**Cao Thị Đào**